

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	06 – 09
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	11 – 12
<i>Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	13 – 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Khái quát

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014976 ngày 08/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế mới số 0102111943 thay đổi lần 14 ngày 14/08/2025.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và vật tư thiết bị, nguyên vật liệu ngành bia, rượu, nước giải khát;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh phụ phẩm trong sản xuất bia, bao gồm: bã bia;
- Kinh doanh phế liệu, phế phẩm sau quá trình sản xuất bia;
- Kinh doanh và cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kho tàng, bến bãi.

Trụ sở chính của Công ty tại số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Minh	Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Quân	Phó Giám đốc
Bà Mai Thị Phương Liên	Phó Giám đốc
Ông Bùi Bảo Ngọc	Phó Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Trần Phan Nguyệt Minh	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Quyên	Thành viên
Bà Lê Thu Trang	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đã phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Minh

Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2026

Số: 24.06.1.2/25/BCTC/NVA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội, được lập ngày 09 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 07/03/2025 có ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần.



Công ty TNHH Kiểm toán NVA
Phó Tổng Giám đốc

Lê Hồng Đào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2023-152-1

Kiểm toán viên

Lê Thị Như Ngọc

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 4799-2024-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2026



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.810.179.179	165.660.193.121
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.331.105.437	8.258.746.114
1. Tiền	111		11.331.105.437	8.258.746.114
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		85.300.000.000	140.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	85.300.000.000	140.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.580.890.365	4.477.652.561
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	40.172.674.800	806.669.982
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	19.386.874.553	1.955.018.551
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.021.341.012	1.745.498.095
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	(29.534.067)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	6.138.489.883	2.539.351.266
1. Hàng tồn kho	141		6.138.489.883	2.539.351.266
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.459.693.494	10.384.443.180
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	3.459.693.494	7.533.858.469
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.850.584.711
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.437.429.213	49.732.271.499
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

0521
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN
HỢP
CỘNG
HÒA
HÀ NỘI
TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
II. Tài sản cố định	220		14.173.062.521	14.086.677.658
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	13.402.553.876	13.617.835.669
- Nguyên giá	222		52.871.015.756	52.283.034.072
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(39.468.461.880)	(38.665.198.403)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	770.508.645	468.841.989
- Nguyên giá	228		2.324.648.000	1.829.648.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.554.139.355)	(1.360.806.011)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.500.000.000	7.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	7.500.000.000	7.500.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		32.764.366.692	28.145.593.841
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	32.405.816.400	27.590.426.720
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.10	358.550.292	555.167.121
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		221.247.608.392	215.392.464.620

3884
IG T
IHH
TOA
VA
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		146.180.640.371	138.307.423.179
I. Nợ ngắn hạn	310		146.180.640.371	138.307.423.179
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	13.892.331.828	15.458.726.199
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	6.444.838.691	10.121.452.365
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.303.657.407	571.111.187
4. Phải trả người lao động	314		6.796.348.274	7.012.218.110
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.853.463.074	3.052.411.810
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	109.408.125.241	99.879.574.615
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.481.875.856	2.211.928.893
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		75.066.968.021	77.085.041.441
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	75.066.968.021	77.085.041.441
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.230.000.000	31.230.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.230.000.000	31.230.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.270.645.124	18.270.645.124
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.566.322.897	27.584.396.317
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.587.103.817	8.823.421.328
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.979.219.080	18.760.974.989
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		221.247.608.392	215.392.464.620

Người lập biểu



Vũ Thị Kim Ngọc

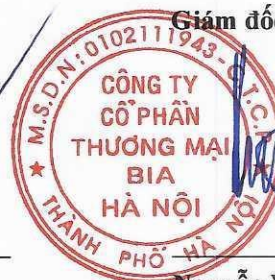
Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng



Nguyễn Cao Tường

Giám đốc



Nguyễn Văn Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.415.773.851.214	1.349.671.891.416
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	724.390.583	388.519.783
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.415.049.460.631	1.349.283.371.633
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.331.407.688.021	1.243.479.726.821
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		83.641.772.610	105.803.644.812
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	5.820.677.494	6.653.078.249
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	119.048.902.283	68.052.493.340
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	22.796.639.320	22.488.974.078
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(52.383.091.499)	21.915.255.643
11. Thu nhập khác	31	VI.7	68.660.097.481	1.562.950.327
12. Chi phí khác	32	VI.8	5.727.500	4.597.828
13. Lợi nhuận khác	40		68.654.369.981	1.558.352.499
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.271.278.482	23.473.608.142
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	3.095.442.573	3.939.994.756
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		196.616.829	772.638.397
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.979.219.080	18.760.974.989
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.920	4.186
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.920	4.186

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Chữ ký)

(Chữ ký)



Vũ Thị Kim Ngọc

Nguyễn Cao Tường

Nguyễn Văn Minh

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.271.278.482	23.473.608.142
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.914.196.821	3.018.496.953
- Các khoản dự phòng	03		(29.534.067)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.093.404.494)	(6.653.078.249)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.062.536.742	19.839.026.846
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(53.898.430.026)	10.203.852.876
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.599.138.617)	(2.227.587.727)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.422.497.909	17.322.820.562
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(741.224.705)	(24.417.728.452)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.113.495.253)	(5.014.475.481)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.358.345.537)	(6.984.611.556)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(46.225.599.487)	8.721.297.068
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.000.581.684)	(2.394.709.798)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		272.727.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(200.300.000.000)	(260.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		255.000.000.000	255.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.495.988.494	7.253.871.975
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		58.468.133.810	(140.837.823)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

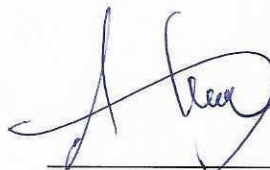
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.170.175.000)	(9.156.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.170.175.000)	(9.156.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.072.359.323	(576.140.755)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.258.746.114	8.834.886.869
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	11.331.105.437	8.258.746.114

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Vũ Thị Kim Ngọc

Nguyễn Cao Tường

Nguyễn Văn Minh

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014976 ngày 08/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế mới số 0102111943 thay đổi lần 14 ngày 14/08/2025.

Trụ sở chính của Công ty tại số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và vật tư thiết bị, nguyên vật liệu ngành bia, rượu, nước giải khát; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar); Kinh doanh vận tải hàng hóa; Kinh doanh phụ phẩm trong sản xuất bia, bao gồm: bã bia; Kinh doanh phế liệu, phế phẩm sau quá trình sản xuất bia; Kinh doanh và cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kho tàng, bến bãi.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31/12/2025 là: 104 người (ngày 31/12/2024 là 102 người).

Công ty không có khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và cũng không có đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán để lập báo cáo tài chính.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Trong năm công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

b) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tổn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối năm trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm	05 – 25 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm	06 năm
- Máy móc thiết bị	03 – 07 năm	03 – 07 năm
- Dụng cụ quản lý	03 năm	03 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm	03 năm

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và các quy định khác về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ý chứng khoán được xác lập.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc

3052
CÔ
T
KIỂM
N
1-71

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong năm. Ngoài ra, còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); ...

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

14. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

15. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	11.331.105.437	8.258.746.114
Cộng	11.331.105.437	8.258.746.114



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn	85.300.000.000	85.300.000.000	140.000.000.000	140.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng	85.300.000.000	85.300.000.000	140.000.000.000	140.000.000.000
- Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	85.300.000.000	85.300.000.000	140.000.000.000	140.000.000.000

b) Đầu tư vào đơn vị khác

Đối tượng	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Đầu tư cổ phiếu		-		-
Đầu tư vào đơn vị khác		7.500.000.000		7.500.000.000
- Công ty CP TM Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 (750.000 cổ phiếu)	12,5%	7.500.000.000	12,5%	7.500.000.000
Cộng		7.500.000.000		7.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác		-		-
Giá trị thuần		7.500.000.000		7.500.000.000

(*) **Ghi chú:** Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty tại Công ty CP TM Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại công ty này.

3. Phải thu của khách hàng

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	40.172.674.800	806.669.982
Phải thu tiền hỗ trợ của Tổng Công ty Cổ phần Bia	39.910.237.800	-
- Rượu - Nước giải khát Hà Nội về tiêu thụ bia		
Công ty TNHH Nguyễn Kiên Toàn Cầu	262.437.000	777.135.915
Các đối tượng khác	-	29.534.067
b) Dài hạn	-	-
Cộng	40.172.674.800	806.669.982

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	19.386.874.553	1.955.018.551
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	18.724.877.098	1.425.595.704
Các đối tượng khác	661.997.455	529.422.847
b) Dài hạn	-	-
Cộng	19.386.874.553	1.955.018.551

c) Trả trước người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

5. Phải thu khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	1.021.341.012	1.745.498.095
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	996.635.000	1.671.946.000
Tạm ứng	-	60.000.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.600.000	9.600.000
Phải thu khác	15.106.012	3.952.095
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.021.341.012	1.745.498.095

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

6. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Đơn vị tính: VND			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	44.926.758	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	195.500.000	-	37.500.000	-
Hàng hóa	5.898.063.125	-	2.501.851.266	-
Cộng	6.138.489.883	-	2.539.351.266	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình</i>						
Số dư đầu năm	23.242.470.862	1.119.519.000	27.294.039.665	358.204.545	268.800.000	52.283.034.072
Số tăng trong năm	-	-	2.465.489.091	-	40.092.593	2.505.581.684
- <i>Mua sắm mới</i>	-	-	2.465.489.091	-	40.092.593	2.505.581.684
Số giảm trong năm	-	-	1.917.600.000	-	-	1.917.600.000
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	1.917.600.000	-	-	1.917.600.000
Số dư cuối năm	23.242.470.862	1.119.519.000	27.841.928.756	358.204.545	308.892.593	52.871.015.756
<i>Giá trị đã hao mòn</i>						
Số dư đầu năm	14.115.206.660	825.170.613	23.419.924.159	101.065.656	203.831.315	38.665.198.403
Tăng trong năm	912.726.444	186.210.474	1.493.172.327	91.250.004	37.504.228	2.720.863.477
Giảm trong năm	-	-	1.917.600.000	-	-	1.917.600.000
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	1.917.600.000	-	-	1.917.600.000
Số dư cuối năm	15.027.933.104	1.011.381.087	22.995.496.486	192.315.660	241.335.543	39.468.461.880
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình						
Tại ngày đầu năm	9.127.264.202	294.348.387	3.874.115.506	257.138.889	64.968.685	13.617.835.669
Tại ngày cuối năm	8.214.537.758	108.137.913	4.846.432.270	165.888.885	67.557.050	13.402.553.876

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 20.567.989.281 đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Phần mềm máy tính

Nguyên giá tài sản cố định vô hình

Số dư đầu năm	1.829.648.000
Số tăng trong năm	495.000.000
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	2.324.648.000

Giá trị đã hao mòn

Số dư đầu năm	1.360.806.011
Khấu hao trong năm	193.333.344
Giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	1.554.139.355

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình

Tại ngày đầu năm	468.841.989
Tại ngày cuối năm	770.508.645

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.249.648.000 đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

9. Chi phí trả trước

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	3.459.693.494	7.533.858.469
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.733.692.661	3.118.000.000
Chi phí sửa chữa	1.726.000.833	4.415.858.469
b) Dài hạn	32.405.816.400	27.590.426.720
Công cụ dụng cụ xuất dùng	27.658.099.115	22.684.452.197
Chi phí tiền thuê đất	4.747.717.285	4.905.974.523
Cộng	35.865.509.894	35.124.285.189

10. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với chênh lệch tạm thời phát sinh	358.550.292	555.167.121
Cộng	358.550.292	555.167.121

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Phải trả người bán**

	Đơn vị tính: VND	
	Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	13.892.331.828	15.458.726.199
Công ty Cổ phần ALIGRO	1.009.800.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vân Phú	1.630.585.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đức Minh	-	2.094.400.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phân phối Phú Thái	3.461.455.404	5.526.935.100
Công ty TNHH Thi công Quảng cáo Tinh Hoa Việt	-	2.392.911.234
Công ty TNHH dịch vụ thương mại quảng cáo Phong cách mới	5.372.751.492	-
Các đối tượng khác	2.417.739.932	5.444.479.865
b) Dài hạn	-	-
Cộng	13.892.331.828	15.458.726.199

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.**d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.**

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Người mua trả tiền trước

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	6.444.838.691	10.121.452.365
Công ty Cổ phần Thương mại Bia - Rượu - Nước giải khát Hưng Thịnh	-	1.208.326.900
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Hưng	28.206.965	1.195.093.320
Công ty TNHH Thực phẩm và Thương mại Tuyệt Nga	4.487.410	1.339.855.570
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại & Dịch vụ Trung Đức	209.481.678	1.113.622.228
Công ty Cổ phần CHAIN SOLUTION	1.239.857.104	622.684.923
Công ty TNHH Bia hơi Sơn Cháy	481.832.190	481.812.280
Công ty TNHH TM và DV Hoàn Hảo Việt Nam	655.285.000	25.145.835
Trung tâm hội nghị 37 Hùng Vương	57.134.364	138.063.924
Các đối tượng khác	3.768.553.980	3.996.847.385
b) Dài hạn	-	-
Cộng	6.444.838.691	10.121.452.365

c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Không có

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp	571.111.187	9.817.031.712	8.084.485.492	2.303.657.407
Thuế giá trị gia tăng	-	3.874.103.815	2.218.397.492	1.655.706.323
Thuế thu nhập doanh nghiệp	472.142.807	3.095.442.573	3.113.495.253	454.090.127
Thuế thu nhập cá nhân	98.968.380	2.559.905.324	2.465.012.747	193.860.957
Thuế khác	-	287.580.000	287.580.000	-
b) Phải thu	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	2.853.463.074	3.052.411.810
Chi phí bán hàng	1.661.574.074	1.936.421.884
Chi phí phải trả khác	1.191.889.000	1.115.989.926
b) Dài hạn	-	-
Cộng	2.853.463.074	3.052.411.810

15. Phải trả khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	109.408.125.241	99.879.574.615
Kinh phí công đoàn	606.154.103	553.644.745
Bảo hiểm xã hội, y tế	35.738.500	35.738.500
Cổ tức phải trả cổ đông	3.063.939.910	2.865.114.910
Nhận ký cược, ký quỹ	105.392.760.000	95.531.494.000
Phải trả khác	309.532.728	893.582.460
b) Dài hạn	-	-
Cộng	109.408.125.241	99.879.574.615

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.

d) Phải trả khác là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
				Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	31.230.000.000	18.270.645.124	19.474.314.923	68.974.960.047
Lợi nhuận trong năm trước			18.760.974.989	18.760.974.989
Trích quỹ KTPL từ lợi nhuận năm 2023			(1.212.815.759)	(1.212.815.759)
Trích thường Ban điều hành từ lợi nhuận năm 2023			(69.077.836)	(69.077.836)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023			(9.369.000.000)	(9.369.000.000)
Số dư cuối năm trước	31.230.000.000	18.270.645.124	27.584.396.317	77.085.041.441
Số dư đầu năm nay	31.230.000.000	18.270.645.124	27.584.396.317	77.085.041.441
Lợi nhuận trong năm nay			12.979.219.080	12.979.219.080
Trích quỹ KTPL từ lợi nhuận năm 2024			(5.291.984.000)	(5.291.984.000)
Trích thường Ban điều hành từ lợi nhuận năm 2024			(336.308.500)	(336.308.500)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2024			(9.369.000.000)	(9.369.000.000)
Số dư cuối năm nay	31.230.000.000	18.270.645.124	25.566.322.897	75.066.968.021

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cuối năm VND	%	Đầu năm VND	%
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	18.738.000.000	60%	18.738.000.000	60%
Các cổ đông khác	12.492.000.000	40%	12.492.000.000	40%
Cộng	31.230.000.000	100%	31.230.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	31.230.000.000	31.230.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	31.230.000.000	31.230.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.123.000	3.123.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.123.000	3.123.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.123.000	3.123.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.123.000	3.123.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.123.000	3.123.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	Cuối năm	Đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý	29.534.067	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.413.228.943.110	1.278.311.501.738
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.544.908.104	71.360.389.678
Cộng	1.415.773.851.214	1.349.671.891.416

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	724.390.583	388.519.783
Cộng	724.390.583	388.519.783

3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa	1.412.504.552.527	1.277.922.981.955
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.544.908.104	71.360.389.678
Cộng	1.415.049.460.631	1.349.283.371.633

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa	1.330.494.961.577	1.219.020.902.181
Giá vốn cung cấp dịch vụ	912.726.444	24.458.824.640
Cộng	1.331.407.688.021	1.243.479.726.821

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.295.677.494	6.128.078.249
Cổ tức, lợi nhuận được chia	525.000.000	525.000.000
Cộng	5.820.677.494	6.653.078.249

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Chi phí bán hàng	119.048.902.283	68.052.493.340
Chi phí lương nhân viên	23.329.587.604	12.277.757.912
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	18.517.140.485	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	654.623.019	375.544.062
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.233.512.420	48.942.278.993
Chi phí khác	10.314.038.755	6.456.912.373
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.796.639.320	22.488.974.078
Chi phí nhân viên quản lý	10.762.866.889	8.424.642.287
Chi phí vật dụng, công cụ văn phòng	-	46.249.394
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.346.847.358	1.115.555.089
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.576.485.218	8.703.576.682
Chi phí khác	5.110.439.855	4.198.950.626

7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ thanh lý TSCĐ, CCDC, phế liệu	615.923.947	431.529.159
Thu nhập tiền hỗ trợ của Tổng Công ty Cổ phần Bía - Rượu - Nước giải khát Hà Nội về tiêu thụ bía	65.656.886.364	-
Thu nhập khác	2.387.287.170	1.131.421.168
Cộng	68.660.097.481	1.562.950.327

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	5.727.500	4.597.828
Cộng	5.727.500	4.597.828

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.271.278.482	23.473.608.142
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(829.967.626)	(3.773.634.363)
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.470.867.977	3.390.393.226
+ Chi phí không được khấu trừ	678.116.516	614.557.623
+ Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng xe, thiết bị và sửa chữa văn phòng	1.792.751.461	2.775.835.603
- Các khoản điều chỉnh giảm	3.300.835.603	7.164.027.589
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	525.000.000	525.000.000
+ Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng xe, thiết bị và sửa chữa văn phòng	2.775.835.603	6.639.027.589
Tổng thu nhập chịu thuế	15.441.310.856	19.699.973.779
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	3.088.262.171	3.939.994.756
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu các năm trước	7.180.402	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.095.442.573	3.939.994.756

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.979.219.080	18.760.974.989
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.860.547.000)	(5.687.500.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	3.860.547.000	5.687.500.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành (*)	3.860.547.000	5.687.500.000
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.118.672.080	13.073.474.989
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.123.000	3.123.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.920	4.186
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.920	4.186

Ghi chú:

- (*) Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành là phần kế hoạch trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 22/04/2025. Giá trị chính thức sẽ được điều chỉnh sau khi thông qua Đại hội Đồng cổ đông (nếu có chênh lệch).

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	18.517.140.485	7.727.804.028
Chi phí nhân công	34.092.454.493	30.700.987.199
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.914.196.821	3.018.496.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.809.997.638	62.897.140.879
Chi phí khác	15.424.478.610	10.655.862.999
Cộng	142.758.268.047	115.000.292.058

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin sự kiện sau niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1 Danh mục các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bao bì Habeco	Cùng công ty mẹ
Công ty CP TM Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	Bên được đầu tư góp vốn

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

2.1 Giao dịch với bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu (không bao gồm VAT) như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	<i>Đơn vị tính: VND</i> Năm trước
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Mua hàng	1.318.913.355.000	1.204.255.982.550
	Thuê mặt bằng	3.128.637.600	3.128.637.600
	Đổi sản phẩm lỗi	731.085.750	748.999.000
	Sửa chữa keg hồng, thuê khuôn ép kết nhựa	1.566.620.000	-
	Nhận hỗ trợ bán hàng, VDQC	65.656.886.364	759.000.000
	Tiền điện nước	194.128.878	208.984.499
	Chia cổ tức	5.621.400.000	5.621.400.000
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Mua hàng	997.259.156	907.730.578
Công ty Cổ phần Bao bì Habeco	Mua hàng	1.352.700.000	-
Công ty CP TM Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	Cổ tức được chia	525.000.000	525.000.000

Cho đến cuối năm, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	<i>Đơn vị tính: VND</i> Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	
		Cuối năm	Đầu năm
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Trả trước tiền mua hàng	18.724.877.098	1.425.595.704
	Hỗ trợ bán hàng	39.910.237.800	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	Trả trước tiền mua hàng	641.997.455	438.022.847

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong năm, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

Họ tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao, lương chuyên trách của thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT	951.099.800	920.111.500
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	148.560.000	203.040.000
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên	148.560.000	203.040.000
Thù lao, lương chuyên trách của thành viên Ban Kiểm soát			
Bà Trần Phan Nguyệt Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	68.000.000	200.879.500
Bà Vũ Thị Quyên	Thành viên	59.800.000	88.800.000
Bà Lê Thu Trang	Thành viên	59.800.000	88.800.000
Thu nhập của Ban Giám đốc			
Ông Nguyễn Văn Minh	Giám đốc	992.272.000	885.730.400
Ông Nguyễn Hải Quân	Phó Giám đốc	638.887.600	710.968.200
Bà Mai Thị Phương Liên	Phó Giám đốc	640.924.300	713.668.200
Ông Bùi Bảo Ngọc	Phó Giám đốc	650.903.400	707.230.400
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt khác			
Ông Nguyễn Cao Tường	Kế toán trưởng	660.719.000	687.423.600

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán bia hơi nên không trình bày báo cáo bộ phận.

4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31/12/2025, Công ty không có đảm bảo cho đơn vị khác bất kỳ tài sản nào và Công ty cũng không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Đơn vị tính: VND
			Cộng
Số cuối năm	137.992.932.002	-	137.992.932.002
Phải trả cho người bán	13.892.331.828	-	13.892.331.828
Người mua trả tiền trước	6.444.838.691	-	6.444.838.691
Chi phí phải trả	2.853.463.074	-	2.853.463.074
Các khoản phải trả khác	114.802.298.409	-	114.802.298.409
Số đầu năm	132.640.996.131	-	132.640.996.131
Phải trả cho người bán	15.458.726.199	-	15.458.726.199
Người mua trả tiền trước	10.121.452.365	-	10.121.452.365
Chi phí phải trả	3.052.411.810	-	3.052.411.810
Các khoản phải trả khác	104.008.405.757	-	104.008.405.757

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu



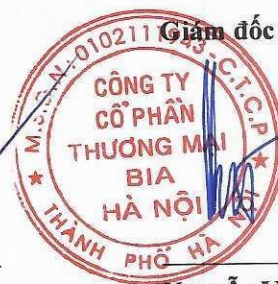
Vũ Thị Kim Ngọc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng



Nguyễn Cao Tường



Nguyễn Văn Minh